

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY TỰ CHỦ TÀI CHÍNH TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP Ở VIỆT NAM

NGUYỄN NGỌC TÙNG

ĐÀO VĂN HÂN

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

BÉ THỊ HỒNG

Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

Nhận bài ngày 19/01/2022. Sửa chữa xong 22/01/2022. Duyệt đăng 27/01/2022.

Abstract

University autonomy, especially financial autonomy at public higher education institutions, is gradually becoming an inevitable trend in the world and in Vietnam. University autonomy is a necessary condition for implementing university governance methods to improve training quality and international integration. This article clarifies the conceptual content related to university autonomy and financial autonomy in public universities; analyzes and evaluates the current situation of financial autonomy in universities in Vietnam, thereby proposing solutions to effectively implement financial autonomy in public higher education institutions today.

Keywords: Solutions, promotion, financial autonomy, university autonomy, public universities.

1. Mở đầu

Tự chủ đại học (TCDH) là xu thế tất yếu trong hoạt động quản trị đại học ngày nay. “Tự chủ đại học được xem là điều kiện cơ bản, cốt lõi để thực hiện các phương thức quản trị đại học tiên tiến, tạo động lực để cơ sở giáo dục đại học đổi mới, tạo đột phá về chất lượng và hội nhập” [10]. TCDH là xu hướng cắt giảm sự can thiệp của nhà nước trong quản lý các trường, tăng cường giao quyền tự chủ cho các trường, trong đó mô hình tự chủ tài chính (TCTC) đại học là một cấu phần quan trọng của TCDH. Trên thế giới có nhiều quan niệm khác nhau về TCDH (university autonomy) tùy theo nhận thức về vai trò của nhà nước đối với giáo dục đại học (GDĐH). Ở châu Âu, quan niệm TCDH thể hiện trên hai khía cạnh chính: (i) Thoát ra khỏi sự kiểm soát, hạn chế của các cơ quan quản lý nhà nước, của thị trường lao động, nhà cung cấp dịch vụ và các ảnh hưởng chính trị; (ii) Quyền tự do đưa ra các quyết định về cách thức tổ chức hoạt động cũng như mục tiêu sứ mạng của trường. Quyền TCDH ở các quốc gia khác nhau phụ thuộc vào mô hình nhà nước, trình độ phát triển, văn hóa, xã hội, pháp luật. Do vậy, không thể có quyền TCDH chung chung, mà phải gắn với một mô hình nhà nước cụ thể. Ở Việt Nam, sự can thiệp khá trực tiếp và toàn diện của Nhà nước đối với các trường ĐH diễn ra trong một thời gian dài ở nước ta từ vấn đề đầu tư, tổ chức bộ máy và nhân sự đến chương trình, nội dung đào tạo... cùng với phương thức quản lý kiểu kế hoạch hóa tập trung đã phần nào làm giảm sút sự đổi mới sáng tạo, cạnh tranh vươn lên mạnh mẽ của các trường, gây cản trở thực hiện tự chủ một cách thực chất. Trong bối cảnh nước ta hiện nay, quá trình triển khai công việc TCDH không nên kéo dài thêm nữa và tránh các bước đi sai lệch, giúp tiết kiệm thời gian hội nhập của các trường ĐH và tránh lãng phí nguồn đầu tư [3].

Bài báo làm rõ hơn nội hàm khái niệm và những cơ sở pháp lý liên quan đến TCDH, TCTC trong các trường ĐH công lập; phân tích, đánh giá thực trạng TCTC trong trường ĐH tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp triển khai hiệu quả hoạt động TCTC tại các cơ sở GDĐH công lập hiện nay.

Email: handv1989@gmail.com

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái niệm và những cơ sở pháp lý về tự chủ đại học

Tự chủ đại học (TCĐH) là quyền tự do của trường ĐH trong việc quyết định những công việc của chính mình; thể hiện khả năng chủ động trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược của nhà trường mà không bị trói buộc bởi những quy định và quản lí ở cấp vĩ mô; là khả năng toàn diện của trường ĐH hoạt động theo cách thức lựa chọn để đạt được sứ mệnh và mục tiêu được đặt ra, tự chủ cũng mang lại những lợi thế cho các trường ĐH bởi một nguyên lí cơ bản đằng sau tự chủ là các cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) sẽ vận hành tốt hơn [4]. Mục đích chủ yếu của việc giao quyền làm chủ cho hệ thống GDĐH là giúp cho các trường có thể hoạt động một cách có hiệu quả và đáp ứng tốt nhất những đòi hỏi của xã hội. Thể chế tự chủ cao hơn là yếu tố then chốt tạo ra sự thành công của các cuộc cải cách đại học, đặc biệt là những cuộc cải cách nhằm đa dạng hoá và sử dụng các nguồn lực một cách có hiệu quả.

Ở nước ta, chủ trương xuyên suốt của Đảng ta là không ngừng đổi mới giáo dục và đào tạo nhằm bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Vấn đề TCĐH đã được đặt ra và hoàn thiện dần trong quá trình đổi mới GDĐH. Những năm gần đây đã có nhiều chuyển biến tích cực: từ thực tế là toàn thể hệ thống GDĐH Việt Nam như là một trường ĐH lớn, chịu sự quản lí nhà nước chặt chẽ về mọi mặt thông qua Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường ĐH đã dần được trao quyền tự chủ, là kết quả của một quá trình 17 năm, từ năm 2003 xây dựng, ban hành, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các văn bản của pháp luật. Trường ĐH được quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển nhà trường, tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức và nhân sự [2].

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã đặt ra nhiệm vụ và giải pháp về đổi mới căn bản công tác quản lí GD-ĐT là "... Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo phát huy vai trò của hội đồng trường...". Triển khai thực hiện Nghị quyết này và Luật Giáo dục đại học năm 2012, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở GDĐH công lập giai đoạn 2014-2017 với tư tưởng nhất quán là sự "cởi trói" cho các trường ĐH công lập khỏi các quy định cứng nhắc, tập trung, hành chính của các cơ quan quản lí nhà nước, đảm bảo cho trường hoạt động theo cơ chế thị trường có sự can thiệp nhất định của nhà nước; quy định cơ sở GDĐH công lập khi cam kết tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện trên các mặt hoạt động. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm các trường đại học. Theo đó, các đơn vị có quyền tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài sản, cơ sở vật, tài chính.

Luật Giáo dục đại học năm 2018 được ban hành đã đánh dấu sự hoàn thiện của quy định pháp luật về mô hình về TCĐH, mang tính hệ thống và quy chuẩn về quyền tự chủ của các cơ sở GDĐH nói chung và cơ sở GDĐH công lập nói riêng, góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả GDĐH Việt Nam ngang tầm khu vực và thế giới.

- *Vấn đề TCTC trong các trường ĐH công lập:* Tiến trình TCTC nói riêng và TCĐH nói chung là con đường để các quốc gia chuyển đổi cơ chế quản lí hệ thống GDĐH từ mô hình nhà nước điều hành sang mô hình nhà nước giám sát. Tiến trình này chủ yếu diễn ra ở các quốc gia châu Á có hệ thống GDĐH vận hành theo mô hình nhà nước điều hành với những bước đi mạnh mẽ hay thận trọng tùy theo bối cảnh cụ thể. Những quốc gia có chuyển đổi tự chủ mạnh từ hơn 20 năm nay ở châu Á bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản và Malaysia [8].

Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các trường ĐH theo quy định đã tạo điều kiện cho các trường ĐH được chủ động trong tổ chức hoạt động chuyên môn, gắn việc quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính với chất lượng và hiệu quả hoạt động. Theo đó, các trường ĐH đã có điều kiện huy động các nguồn lực tài chính, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, tăng thu nhập cho giảng viên và người lao động của trường. Theo (Phan Văn Trường, 2013) khi bàn về cơ chế tài chính của ĐH công lập “chúng ta không dừng lại ở những khoản thu chi mà cần nhìn vào nhiệm vụ. Nhiệm vụ chủ đạo của chúng nằm ở những giá trị vô hình về hệ thống kiến thức của người học và những đóng góp vào quá trình phát triển. Cơ chế quản lý tài chính giáo dục đại học (GDĐH) được hiểu là một tập hợp các phương pháp, công cụ quản lý tài chính tuân theo hệ thống pháp luật hiện hành nhằm thực hiện mục tiêu tài chính và phi tài chính của đại học. Cơ chế quản lý tài chính, do đó, được xây dựng đơn giản hay phức tạp tùy thuộc vào quy mô của trường đại học”[9].

Năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về Thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở GDĐH công lập giai đoạn 2014-2017. Theo đó, các cơ sở GDĐH công lập khi cam kết tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện về các mặt: thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; tổ chức bộ máy và nhân sự; tài chính; chính sách học bổng, học phí đối với đối tượng chính sách; đầu tư, mua sắm. Trong đó, cơ sở GDĐH được tự chủ về tài chính ở các nội dung: (i) Học phí: quyết định mức học phí bình quân (của chương trình đại trà) tối đa bằng mức trần học phí do Nhà nước quy định cộng với khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước (NSNN) cấp bình quân cho mỗi sinh viên công lập trong cả nước; quyết định mức học phí cụ thể (cao hoặc thấp hơn mức học phí bình quân) đối với từng ngành, nghề, chương trình đào tạo theo nhu cầu người học và chất lượng đào tạo, bảo đảm mức học phí bình quân trong nhà trường không vượt quá giới hạn mức học phí bình quân tối đa nêu trên; thực hiện công khai mức học phí cho người học trước khi tuyển sinh; (ii) Thu sự nghiệp: quy định cụ thể và công khai những khoản thu sự nghiệp ngoài học phí theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí và tích lũy hợp lý; (iii) Tiền lương và thu nhập: quyết định thu nhập tăng thêm của người lao động theo quy chế chi tiêu nội bộ, ngoài tiền lương ngạch, bậc theo quy định của Nhà nước; (iv) Sử dụng nguồn thu: quyết định việc sử dụng nguồn thu của đơn vị để chi cho các hoạt động thường xuyên, bảo đảm đạt chuẩn chất lượng đầu ra theo đúng cam kết; Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại được trích lập các quỹ sau: quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ dự phòng ổn định thu nhập và các quỹ hỗ trợ sinh viên. Trong đó, trích tối thiểu 25% chênh lệch thu chi cho quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Mức trích lập các quỹ còn lại và mức trả thu nhập tăng thêm do Hiệu trưởng quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; Khoản thu học phí và các khoản thu sự nghiệp khác được gửi ở ngân hàng thương mại.

Theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, nguồn tài chính của các trường ĐH công lập và cách thức huy động của từng nguồn hiện nay là: (i) Nguồn NSNN cấp; (ii) Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công; (iii) Nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại chi theo quy định; (iv) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật; (v) Nguồn tài chính có từ những giao dịch tài chính của các trường ĐH công lập theo quy định của pháp luật (vốn vay, vốn huy động, lãi tiền gửi ngân hàng...); (vi) Nguồn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật; (vii) Nguồn hỗ trợ tài chính cho sinh viên.

2.2. Tự chủ tài chính tại các trường ĐH ở Việt Nam

Trong bối cảnh mới, yêu cầu cần huy động nguồn lực tài chính cho các trường ĐH công lập rất lớn. Vì nguồn tài chính từ NSNN còn hạn hẹp, do vậy việc tăng cường huy động và huy động có hiệu quả các nguồn lực tài chính cho GDĐH, hướng tới phát triển nhanh, toàn diện và bền vững đã trở

thành một yêu cầu cấp thiết. Khi có nguồn lực tài chính thì các trường ĐH công lập mới có cơ sở để phát triển các nguồn lực khác như cơ sở vật chất, con người vì đó chính là những yếu tố quyết định đến chất lượng GDĐH. Trong giai đoạn hiện nay, GDĐH đòi hỏi một nguồn lực tài chính rất lớn. Ở các cơ sở GDĐH phụ thuộc vào 3 nguồn thu cơ bản là NSNN, học phí, các nguồn khác như: dịch vụ, hợp tác, tài trợ, biếu tặng,... (các nguồn này không nhiều). Thời gian qua, cơ chế quản lý tài chính đối với GDĐH đã đổi mới cho phù hợp với yêu cầu phát triển. Điều này thể hiện rõ qua Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/2/2015 về cơ chế tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập được đánh giá là có những bước đổi mới mạnh mẽ về cơ chế, chính sách tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập cũng như các đơn vị GDĐH công lập. Theo (Nguyễn Thùy Linh, 2019) thì cơ chế tự chủ về tài chính có tác động tích cực đến nhiều khía cạnh của các trường ĐH công lập, đặc biệt là nguồn thu, việc sử dụng nguồn lực tài chính, thu nhập [7].

Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 23/9/2020 đã khẳng định “Nghị quyết 77 đã tạo điều kiện cho các trường công lập khi cam kết tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư thì được thực hiện tự chủ về tất cả các phương diện: đào tạo và nghiên cứu khoa học; tổ chức bộ máy và nhân sự; chính sách học bổng, học phí đối với sinh viên đối tượng chính sách; đầu tư, mua sắm. Thực tế cho thấy việc thực hiện tự chủ tại các trường bước đầu đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, giúp giảm bớt các thủ tục hành chính, tăng tính chủ động, linh hoạt trong các tổ chức thực hiện hoạt động của nhà trường. Mô hình thí điểm tự chủ bước đầu được đánh giá tích cực, các trường đã có những thành tựu nhất định và được xã hội công nhận” [1]. Tuy nhiên thống kê hiện nay cho thấy, nguồn tài chính của các trường ĐH công lập cơ bản là từ NSNN và thu từ học phí, để tài khoa học. Trong đó, NSNN chiếm từ 30% - 40% tổng thu của các trường ĐH hàng năm. Nguồn tài chính quan trọng thứ hai cho các trường là thu từ hoạt động sự nghiệp, bao gồm nguồn thu từ sinh viên và các nguồn thu khác chiếm khoảng 60% - 70% tổng nguồn thu của các trường. Bình quân các trường ĐH tự đảm bảo cân đối chi thường xuyên được khoảng 75% từ nguồn thu sự nghiệp. Như vậy, với tỷ lệ chi thường xuyên này vẫn chưa thể đảm bảo đủ nguồn lực để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và đảm bảo thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giảng viên hàng năm. Trong xu hướng gia tăng mức độ tự chủ tài chính của các cơ sở GDĐH, nguồn thu từ học phí ngày càng chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 70-80% tổng thu của các trường. Phần kinh phí NSNN cấp có xu hướng giảm dần, nhờ đó áp lực chi ngân sách cho GDĐH đã giảm hơn so với trước [5].

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số báo cáo	Ghi chú
A	Quyết toán thu		
I	Tổng số thu	1,905,603	
II	Chi phí	1,530,137	
III	Chi thuế thu nhập doanh nghiệp	14,843	
B	Quyết toán chi NSNN	547,527	
I	Bảo vệ môi trường	1,500	
II	Đào tạo du học sinh Lào-Campuchia	830	
III	Chi khoa học công nghệ	158,046	
IV	Giáo dục và đào tạo	387,151	

Bảng 1: Báo cáo quyết toán thu-chi nguồn NSNN, nguồn khác năm 2018

của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Nguồn: (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2018)

Từ khi có Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và nay là Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, cơ chế quản lý tài chính các trường ĐH công lập có những bước chuyển biến đáng kể. Các trường ĐH công lập đã

chuyển mình từ chỗ hoàn toàn dựa vào ngân sách cấp 100% cho các khoản chi thường xuyên đến nay đã có nhiều trường tự chủ được 100% và trên 50% kinh phí chi thường xuyên. Cơ cấu nguồn thu của các trường ĐH công lập có sự thay đổi đáng kể, tỷ trọng các nguồn thu từ học phí, lệ phí và các hoạt động dịch vụ, lao động - sản xuất tăng lên, để bù đắp cho phần cắt giảm tài trợ từ NSNN [6].

ĐVT: nghìn đồng; Tỷ lệ: %

TT	NGUỒN THU	NĂM 2017		NĂM 2018		NĂM 2019	
		Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
1	Ngân sách cấp	8.913	10,782	10.644	11,65	9.027	9,04
2	Thu học phí, lệ phí	71.733	86,778	77.774	85,13	86.655	86,77
3	Thu dịch vụ	1.417	1,714	2.811	3,08	3.633	3,64
4	Nguồn thu khác	600	0,726	131	0,14	557	0,56
Tổng thu		82.663	100	91.360	100	99.872	100

TT	NỘI DUNG	NĂM 2017		NĂM 2018		NĂM 2019	
		Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
1	Chi thanh toán cá nhân,	16.942	29,31	18.203	29,22	20.250	30,40
2	Chi hoạt động đào tạo, NCKH	21.104	36,51	25.200	40,45	28.532	42,83
3	Chi BD đào tạo CB, GV	1.521	2,63	1.762	2,83	2.286	3,43
4	Chi đầu tư XD CB, SC	13.003	22,50	9.922	15,93	12.768	19,17
5	Chi khác	5.230	9,05	7.208	11,57	2.781	4,17
Tổng cộng		57.800	100	62.295	100	66.617	100

Bảng 2: Cơ cấu nguồn thu-chi năm 2017-2019 của Trường ĐH Luật, Đại học Huế

Nguồn: (Nguyễn Tài Năng, 2020)

Khi đánh giá về thực trạng tự chủ tài chính tại các trường ĐH công lập, tác giả (Trương Tuấn Linh, 2021) cho rằng “nguồn thu được hình thành một phần từ kinh phí NSNN cấp và một phần thu sự nghiệp từ các hoạt động cung ứng dịch vụ công cho xã hội và thu khác, trong đó nguồn kinh phí NSNN cấp vẫn giữ vai trò quan trọng; Kết quả đánh giá về quản lý các khoản chi của những người được hỏi đều trả lời ở mức trung bình, tần suất đánh giá ở mức yếu, kém chiếm tỷ trọng lớn. Hiệu quả các khoản chi của trường về nâng cao chất lượng đào tạo còn chưa tốt. Do các nguồn thu chủ yếu là chi cho con người (xấp xỉ 70%) nên còn nhiều hạn chế trong việc đầu tư cho nghiên cứu khoa học và xây dựng cơ bản, điều đó cũng ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo”[10].

Theo tác giả (Nguyễn Thùy Linh, 2019) trong tình hình hiện nay, có thể nhận định “việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các trường ĐH theo quy định của Chính phủ đã có tác động mạnh đến sử dụng nguồn lực tài chính cũng như chất lượng và hiệu quả hoạt động”[7]. Báo Kiểm toán số 37 ra ngày 12-9-2019 cũng cho rằng, thông qua một số cuộc kiểm toán trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, kiểm toán nhà nước đánh giá, kết quả thực hiện TCTC của các trường nhìn chung còn chậm, mức độ tự chủ chưa cao; chưa có bước chuyển biến mang tính đột phá; việc tự chủ chưa thực sự đồng bộ giữa tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế với tự chủ về tài chính; chưa đạt được mục tiêu phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho xã hội, ... Thực tế hiện nay, các đơn vị còn chưa có quy định cụ thể để lập và thẩm định phương án TCTC. Việc thẩm định phương án tự chủ của các Bộ còn căn cứ vào dự toán thu, chi do đơn vị lập và khả năng của NSNN, chưa thực sự gắn kết giữa giao nhiệm vụ và giao kinh phí, chưa có sự nhất quán giữa các đơn vị.

Về pháp lý, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/2/2015 về cơ chế tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập cũng mới chỉ là “Nghị định khung” chưa có nghị định và các văn bản hướng dẫn, quy định cụ thể cho đơn vị sự nghiệp giáo dục. Thực tế cho thấy, nguồn lực tài chính để đảm bảo cho hoạt động của các trường ĐH công lập còn nhiều hạn chế do những khó khăn trong việc cân đối NSNN, các chính sách quy định về thu học phí còn nhiều bất cập, chưa đảm bảo bù đắp chi phí hoạt động của các trường ĐH công lập.

Thực tế thì hiện nay, một số ít các trường ĐH công lập thực hiện thí điểm tự chủ 100% kinh phí hoạt động thường xuyên do vậy việc phân bổ NSNN còn mang nặng tính bao cấp, bình quân chủ yếu dựa vào các yếu tố đầu vào, việc gắn kết giữa kết quả sử dụng nguồn lực NSNN với kết quả thực hiện nhiệm vụ còn là một khó khăn.

Mức thu học phí vẫn còn thấp, chưa phù hợp với mặt bằng giá cả và chính sách cải cách tiền lương trong những năm qua. Điều này đã làm hạn chế quyền tự chủ của các trường trong việc quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính.

2.3. Giải pháp thúc đẩy tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục công lập

2.3.1. Thực hiện một cách đầy đủ, đồng bộ các quy định của pháp luật

Thực hiện một cách đầy đủ, đồng bộ các quy định của pháp luật trong đó trong đó có những chế tài quy định và đề cao tự chủ tài chính. Đặc biệt là, Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, có hiệu lực từ 01/7/2019. Đây là cơ sở để các trường ĐH công lập chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp gia tăng nguồn thu cũng như tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các trường ĐH công lập về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính trên cơ sở giảm bớt các rào cản quy định có liên quan.

Đặc biệt, lưu ý đến các quy định về quy mô sinh viên tối đa trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh ở các ngành; hay quy định dành kinh phí từ nguồn thu hợp pháp của đại học công lập để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ.... Các quy định pháp lý càng rõ ràng sẽ để đảm bảo tính minh bạch của chính sách trong lĩnh vực GDĐH.

2.3.2. Các trường tự quyết định chế độ chi trả lương đối với giảng viên và cán bộ gắn với năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc

Điều này sẽ góp phần giúp nhà trường tự chủ, linh động trong quản lý thu nhập, giảm các định biên nhân sự không cần thiết, và sử dụng, thu hút hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cho hoạt động đào tạo, quản lý. Bên cạnh đó, Nhà trường sẽ phải chịu trách nhiệm trong việc đáp ứng các tiêu chí chất lượng đào tạo đã đăng ký theo quy định kiểm định và chịu trách nhiệm giải trình trước xã hội về chất lượng đào tạo và công khai minh bạch các khoản thu, chi tài chính. Muốn có cơ chế như vậy, cần phải nghiên cứu sửa đổi và hướng tới thay thế, bãi bỏ quy định khống chế tỉ lệ chi thu nhập tăng thêm hiện nay, khi có cơ chế phù hợp thì việc thực hiện TCTC của các đơn vị sẽ dễ thực hiện và đảm bảo hiệu quả.

2.3.3. Đảm bảo sự linh động theo hướng định hướng, quản lý chung và không can thiệp quá sâu vào hoạt động tự chủ các trường

Trong hoạt động quản lý nhà nước nói chung đối với TCTC của các trường ĐH công lập hiện nay, cần phải đảm bảo sự linh động theo hướng định hướng, quản lý chung và không can thiệp quá sâu vào hoạt động tự chủ các trường. Để làm được điều này Nhà nước cần phải: Tiếp tục đảm bảo kinh phí hỗ trợ đối với các đối tượng chính sách xã hội, các đối tượng khó khăn để đảm bảo công bằng trong tiếp cận các dịch vụ GDĐH; Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách theo tiêu chí đầu ra, gắn với các mục tiêu công bằng và hiệu quả, gắn với nhu cầu, cơ cấu ngành nghề trong giáo dục đào tạo đại học, có sự phân biệt giữa cơ sở hoạt động có chất lượng, hiệu quả với cơ sở kém chất lượng, không hiệu quả; Định mức, chế độ, tiêu chuẩn chi tiêu NSNN cần được đổi mới trên cơ sở hạn chế

số lượng định mức cứng, tăng số lượng khung định mức, trần định mức để các trường áp dụng cho phù hợp với tình hình thực tế và khả năng ngân sách; Thực hiện cơ chế đặt hàng sản phẩm đào tạo đối với những ngành nghề ít có khả năng xã hội hóa, đồng thời tăng cường chính sách khuyến khích để thu hút nguồn lực xã hội cho các ngành nghề đào tạo có khả năng xã hội hóa; Nghiên cứu, hướng dẫn áp dụng cơ chế tính giá phí dịch vụ đối với các hoạt động cung cấp dịch vụ đào tạo của các trường ĐH công lập. Vận dụng cách thức quản trị các trường ĐH công lập theo mô hình quản lý doanh nghiệp.

2.3.4. TCTC cần phải thực hiện đồng bộ với các hoạt động tự chủ trên nhiều lĩnh vực khác

Việc thực hiện TCTC cần phải thực hiện đồng bộ với các hoạt động tự chủ trên nhiều lĩnh vực khác như: nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; đào tạo; tuyển sinh, tuyển dụng, quản lí... Để thực hiện được điều này, ngoài sự đồng bộ về cơ chế chính sách, các đơn vị giáo dục ĐH phải đặc biệt đưa ra những mục tiêu cụ thể, định lượng về các lĩnh vực trên trong chiến lược phát triển của đơn vị. Hơn nữa, cần phát huy thế mạnh, tận dụng các cơ hội để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, thương mại hóa các sản phẩm công nghệ, nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó tạo được lợi thế cạnh tranh, và tự đứng vững trên đôi chân của mình mà không phụ thuộc vào NSNN hằng năm.

3. Kết luận

Tóm lại, TGDH nói chung và TCTC nói riêng là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước hiện nay. Đây là một chủ trương đúng đắn phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới hiện nay. Việc tự chủ là cần thiết, tuy nhiên, muốn tự chủ được, các cơ sở cần nhất là nâng cao chất lượng dịch vụ: Điều kiện tiên quyết để các cơ sở có thể đứng vững, tồn tại và nâng cao hiệu quả hoạt động trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt hiện nay là tăng cường chất lượng dịch vụ nói chung, gồm cả chất lượng đào tạo và phục vụ đào tạo.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Công văn số 3757/BGDĐT-GDĐH ngày 23/9/2020 về việc trả lời kiến nghị của Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam và Trường Đại học Tôn Đức Thắng về việc tự chủ đại học.

[2] Chính phủ (2003), Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 về việc ban hành điều lệ trường đại học.

[3] Đỗ Trung Tá (2018), Bàn thêm về tự chủ đại học, Diễn đàn Khoa học và Công nghệ, số 5, tr. 16-18.

[4] Đỗ Đức Minh (2018), Cơ chế quản trị đại học tự chủ và yêu cầu hoàn thiện luật tự chủ đại học ở Việt Nam, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học, số 4, tr. 62-74.

[5] Lê Đình Hạc (2020), Tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học công lập, Tạp chí Tài chính kỳ 1 tháng 8, tr. 75-77.

[6] Nguyễn Tài Năng (2020), Tự chủ tài chính khi thực hiện tự chủ đại học - Nghiên cứu tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Tạp chí Công thương tháng 2, tr. 274-281.

[7] Nguyễn Thùy Linh (2019), Tự chủ tài chính tại các trường đại học công lập ở Việt Nam, Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam, số 10A, tr. 25-27.

[8] Tien, N. (2019), *Financial Autonomy and Organizational Autonomy in Vietnamese Universities (Quyền tự chủ về tài chính và quyền tự chủ về tổ chức trong các trường đại học Việt Nam)*, National Scientific Conference on: "Planning Education System in Context of Rising Autonomy, Integration, National Industrialization and Modernization at the Beginning of XXI (Vol. 20).

[9] Phan Văn Trường (2013), Cơ chế quản lý tài chính giáo dục đại học công lập, Tạp chí Tài chính tháng 7, tr. 25-29.

[10] Trương Tuấn Linh (2021), Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tự chủ tài chính tại trường đại học công lập, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên số 8, tr. 218-223.